TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 6 năm 2026.
V/v tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Thanh Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Phạm Thanh Tuyền**

Ông Hà Minh Hằng

***- Thư ký phiên tòa*: Ông Cao Vũ Linh –** Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Toàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 281/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Đoàn Thị Ngọc Đ**, sinh ngày 13/10/1990 *(Có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt)*

Căn cước công dân số: 091190004080 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/4/2022.

Địa chỉ: ấp Đ, xã A, tỉnh An Giang

- *Bị đơn:* **Anh Võ Lâm V**, sinh năm 1990 *(Có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt)*

Căn cước công dân số 091090003533 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/9/2022.

Địa chỉ: ấp Đ, xã A, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Ngọc Đ trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình, chị Đ và anh V tự nguyện chung sống vợ chồng và có tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục tập quán ở địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng thời gian sau chị Đ và anh V thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ suy nghĩ đến lối sống, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, đời sống chung không còn phù hợp, hiện tại mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay chị Đoàn Thị Ngọc Đ yêu cầu được ly hôn với ông Võ Lâm V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Đ và anh V có hai người con chung là cháu Võ Duy Đ1, sinh ngày 06/01/2011 và cháu Võ Ánh Ánh D, sinh ngày 29/10/2016. Chị Đ có nguyện vọng nuôi cháu Đ1 và cháu D đến tuổi trưởng thành, chị Đ không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Đ xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Lâm V trình bày: Anh V thống nhất phần trình bày của chị Đ và thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị Đ và anh không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về nội dung vụ án thì xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Võ Lâm V có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã A, tỉnh An Giang, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân

sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc Đ2 và Bị đơn anh Võ Lâm V vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ2 và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang nay là xã A, tỉnh An Giang vào ngày 21/6/2011. Chị Đ2 và anh V đều đã đủ tuổi trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn do đó có cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị Đ2 và anh V xác nhận vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống gia đình không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, đời sống chung vợ chồng không còn hòa hợp nên từ đó ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng và làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị Đ2 và anh V đã thực sự trầm trọng, việc duy trì mối quan hệ vợ chồng là không cần thiết do đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đoàn Thị Ngọc Đ được ly hôn với anh Võ Lâm V như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Đ và anh V có có hai người con chung là cháu Võ Duy Đ1, sinh ngày 06/01/2011 và cháu Võ Ánh D, sinh ngày 29/10/2016. Chị Đ có nguyện vọng nuôi cháu Đ1 và cháu Ánh D đến tuổi trưởng thành, chị Đ không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu Đ1 và cháu Ánh D do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho cháu Đ1 và cháu Ánh D được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên nên xét thấy cần tiếp tục giao các con chung cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ1, cháu Ánh D cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 7 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - An Giang là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Đoàn Thị Ngọc Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đoàn Thị Ngọc Đ được ly hôn với anh Võ Lâm V.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Duy Đ1, sinh ngày 06/01/2011 và cháu Võ Ánh D, sinh ngày 29/10/2016 cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Đ1, cháu Ánh D đủ 18 tuổi, chị Đ không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Võ Lâm V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị Ngọc Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Đoàn Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 306484 ngày 11/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy chị Đ đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7-An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7 - An Giang;
- UBND xã An Minh, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn